

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

HOÀNG THỊ THU TRANG

**ẤN DỤ Ý NIỆM *BUỒN - VUI* TRONG CA DAO
CỦA NGƯỜI VIỆT**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

THÁI NGUYÊN, NĂM 2019

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

HOÀNG THỊ THU TRANG

**ẤN DỤ Ý NIỆM *BUỒN* - *VUI* TRONG CA DAO
CỦA NGƯỜI VIỆT**

Ngành: Ngôn ngữ Việt Nam

Mã ngành: 8 22 01 02

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. PHẠM HÙNG VIỆT

THÁI NGUYÊN, NĂM 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của **PGS.TS. Phạm Hùng Việt**. Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong luận văn này là trung thực và chưa từng được công bố dưới bất kỳ hình thức nào.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về nghiên cứu của mình.

Tác giả luận văn
Hoàng Thị Thu Trang

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình học tập và thực hiện luận văn tốt nghiệp cuối khóa, em đã nhận được sự quan tâm, giúp đỡ tận tình của các thầy cô giáo khoa Ngữ văn, khoa Sau Đại học, Ban giám hiệu trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, Ban giám hiệu trường Cao đẳng Nghề số 1 Quốc phòng.

Đặc biệt, với tất cả tấm lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc, em xin chân thành cảm ơn PGS.TS. Phạm Hùng Việt - người đã hết lòng tận tình hướng dẫn, giúp đỡ em trong quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn này.

Em xin chân thành cảm ơn quý thầy cô và bạn bè đồng nghiệp đã giúp đỡ nhiệt tình, tạo mọi điều kiện thuận lợi, hướng dẫn, giúp đỡ em trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu đề tài này.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn tới những người thân yêu đã luôn bên em, động viên, khích lệ em trong những ngày học tập ở trường.

Em xin chân thành cảm ơn!

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 8 năm 2019

Tác giả luận văn

Hoàng Thị Thu Trang

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG	iv
MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.....	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	10
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	11
5. Nguồn ngữ liệu	11
6. Phương pháp nghiên cứu	12
7. Ý nghĩa của đề tài	12
8. Bố cục của luận văn.....	13
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN	14
1.1. Dẫn nhập.....	14
1.2. Khái quát về ngôn ngữ học tri nhận	14
1.2.1. Các khái niệm có liên quan	14
1.2.2. Ấn dụ ý niệm	21
1.3. Một vài điểm khái quát về cao dao của người Việt.....	26
1.3.1. Khái niệm ca dao	26
1.3.2. Phạm trù tình cảm trong ca dao	27
1.4. Tiểu kết	28

Chương 2. ẪN DỰ Ý NIỆM BUỒN TRONG CA DAO CỦA NGƯỜI VIỆT.....	29
2.1. Dẫn nhập.....	29
2.2. Mô hình cấu trúc ý niệm buồn trong ca dao của người Việt.....	29
2.2.1. Kết quả khảo sát các từ ngữ biểu thị tình cảm buồn trong ca dao của người Việt	29
2.2.2. Đặc điểm sử dụng các từ ngữ trực tiếp chỉ tình cảm buồn trong ca dao của người Việt.....	31
2.3. Những ẩn dụ ý niệm buồn trong ca dao của người Việt	34
2.3.1. Ẩn dụ “BUỒN LÀ NƯỚC MẮT”	34
2.3.2. Ẩn dụ “BUỒN LÀ THIÊN NHIÊN”	37
2.3.3. Ẩn dụ “BUỒN LÀ CHIA CÁCH”	42
2.3.4. Ẩn dụ “BUỒN LÀ ÂM THANH”	43
2.3.5. Ẩn dụ “BUỒN LÀ MỘT THỰC THỂ”	47
2.3.6. Ẩn dụ bản thể “BỘ PHẬN CƠ THỂ NGƯỜI LÀ VẬT CHỨA TÌNH CẢM BUỒN”	50
2.3.7. Ẩn dụ bản thể “BUỒN LÀ NHIỆT ĐỘ THẤP”	54
2.3.8. Ẩn dụ định hướng “BUỒN LÀ HƯỚNG XUỐNG DƯỚI”	56
2.4. Tiểu kết	57
Chương 3. ẪN DỰ Ý NIỆM VUI TRONG CA DAO CỦA NGƯỜI VIỆT	58
3.1. Dẫn nhập.....	58
3.2. Mô hình cấu trúc ý niệm vui trong ca dao của người Việt.....	58
3.2.1. Kết quả khảo sát các từ ngữ biểu thị tình cảm vui trong ca dao của người Việt	58
3.2.2. Đặc điểm sử dụng các từ ngữ trực tiếp chỉ tình cảm vui trong ca dao của người Việt.....	59
3.3. Những ẩn dụ ý niệm vui trong ca dao của người Việt	60

3.3.1. Ấn dụ “VUI LÀ NỤ CƯỜI”	60
3.3.2. Ấn dụ “VUI LÀ THIÊN NHIÊN”	63
3.3.3. Ấn dụ “VUI LÀ SUM HỌP”	67
3.3.4. Ấn dụ “VUI LÀ ÂM THANH”	71
3.3.5. Ấn dụ “BỘ PHẬN CƠ THỂ NGƯỜI LÀ VẬT CHỨA TÌNH CẢM VUI”	74
3.3.6. Ấn dụ “VUI LÀ LỄ HỘI”	76
3.4. Tiêu kết	77
KẾT LUẬN	79

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1.	Kết quả khảo sát các từ ngữ biểu thị tình cảm <i>buồn</i> trong ca dao của người Việt	30
Bảng 2.2.	Các tương đồng ánh xạ ẩn dụ ý niệm <i>Buồn là nước mắt</i>	35
Bảng 2.3.	Các dụ dẫn của ẩn dụ ý niệm <i>Nước mắt</i>	36
Bảng 2.4.	Các dụ dẫn của ẩn dụ ý niệm <i>Thiên nhiên</i>	38
Bảng 2.5.	Các tương đồng ánh xạ của ẩn dụ ý niệm <i>Chia cách</i>	42
Bảng 2.6.	Các dụ dẫn của ẩn dụ ý niệm <i>Âm thanh</i>	44
Bảng 2.7.	Các tương đồng ánh xạ và dụ dẫn của ẩn dụ ý niệm <i>Thực thể</i>	47
Bảng 2.8.	Các dụ dẫn của ẩn dụ bản thể <i>Bộ phận cơ thể người là vật chứa tình cảm buồn</i>	51
Bảng 2.9.	Các dụ dẫn của ẩn dụ ý niệm <i>Nhiệt độ thấp</i>	55
Bảng 2.10.	Các dụ dẫn của ẩn dụ ý niệm <i>Hướng xuống dưới</i>	56
Bảng 3.1.	Kết quả khảo sát các từ ngữ biểu thị tình cảm <i>vui</i> trong ca dao của người Việt	59
Bảng 3.2.	Các dụ dẫn của ẩn dụ ý niệm <i>Cười</i>	61
Bảng 3.3.	Các dụ dẫn của ẩn dụ ý niệm <i>Thiên nhiên</i>	64
Bảng 3.4.	Các dụ dẫn của ẩn dụ ý niệm <i>Sum họp</i>	68
Bảng 3.5.	Các dụ dẫn của ẩn dụ ý niệm <i>Âm thanh</i>	72
Bảng 3.6.	Các dụ dẫn của ẩn dụ ý niệm <i>Bộ phận cơ thể người</i>	74
Bảng 3.7.	Các dụ dẫn của ẩn dụ ý niệm <i>Lễ hội</i>	76

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Ngôn ngữ học tri nhận là một cách tiếp cận ngôn ngữ dựa trên kinh nghiệm của con người về thế giới và cách thức mà con người tri giác và ý niệm hóa thế giới. Nghiên cứu ngôn ngữ học tri nhận là nghiên cứu cách con người tư duy, tri giác, hay nói cách khác là nghiên cứu ngôn ngữ với ý nghĩa là phương thức để tư duy của con người để từ đó tái hiện bức tranh ngôn ngữ sinh động về thế giới.

Ẩn dụ là một biện pháp tu từ quen thuộc, ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng có nét tương đồng với nó nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. Nhưng dưới góc nhìn tri nhận thì ẩn dụ được gọi là ẩn dụ ý niệm (ẩn dụ tri nhận). Ẩn dụ ý niệm là một trong những hình thức ý niệm hóa, một quá trình tri nhận có chức năng biểu hiện và hình thành những ý niệm mới và không có nó thì không thể nhận được tri thức mới; là một cơ chế tri nhận nhờ đó những tri giác liên tục, tương tự đã trải qua quá trình phạm trù hóa được đánh giá lại trong những bối cảnh ý niệm mới. Về nguồn gốc, ẩn dụ ý niệm đáp ứng năng lực nắm bắt của con người và tạo ra sự giống nhau giữa những cá thể và những lớp đối tượng khác nhau. Với cách tiếp cận chung này, ẩn dụ ý niệm được xem như là cách nhìn một đối tượng này thông qua một đối tượng khác và với ý nghĩa đó, ẩn dụ ý niệm là một trong những phương thức biểu tượng tri thức dưới dạng ngôn ngữ. Ẩn dụ ý niệm thường có quan hệ không phải với những thực thể cô lập, riêng lẻ mà với những không gian tư duy phức tạp (những miền kinh nghiệm cảm tính và xã hội).

Xu hướng gương cao ngọn cờ “Dĩ nhân vi trung”, lấy con người làm tâm điểm đã thúc đẩy mạnh mẽ việc nghiên cứu phạm trù tâm lý tình cảm và đây được xem là một trong những đích quan trọng mà ngôn ngữ học tri nhận cần hướng tới. Cứ liệu ngôn ngữ của phạm trù này là nguồn tài liệu sống giúp chúng ta hiểu sâu hơn về ngôn ngữ, văn hóa và tư duy của người sử dụng.

Trong số những thể loại văn học dân gian Việt Nam thì ca dao là thể loại phong phú cả về số lượng, nội dung, chủ đề và được nhiều thế hệ các nhà nghiên cứu văn hoá, văn học, ngôn ngữ học... đi sâu nghiên cứu. Nhiều công trình nghiên cứu đã phát hiện ra những cái hay, cái đẹp, những giá trị tinh thần thể hiện đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc ẩn chứa trong lớp ngôn từ giản dị mà súc tích.

Ca dao, xét về góc độ tư duy của dân tộc, là tấm gương phản ánh hiện thực khách quan của mỗi dân tộc với lối sống, điều kiện sống và những phong tục tập quán riêng. Hình ảnh về thiên nhiên, cuộc sống, về truyền thống dân tộc, quan hệ xã hội được phạm trù hóa theo những cách khác nhau, bằng những hình thức ngôn ngữ khác nhau. Việc nghiên cứu ca dao sẽ giúp chúng ta tìm hiểu sâu hơn về bản sắc dân tộc, quan niệm và tư duy về sự vật, hiện tượng cả về mặt đồng đại và lịch đại. Trong thời đại công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, sự tiếp xúc và giao thoa văn hóa đang làm mờ đi nhiều giá trị truyền thống. Nhiều yếu tố văn hóa vật thể và phi vật thể dần dần biến mất khỏi đời sống xã hội. Việc nghiên cứu ca dao người Việt sẽ giúp tái hiện và bảo tồn những giá trị đó.

Trong hệ thống từ ngữ mà ca dao sử dụng, ngoài những lớp từ ngữ chỉ trăng, hoa, chim muông, cỏ cây, màu sắc... thì hệ thống từ ngữ chỉ tình cảm *buồn - vui* cũng khá phổ biến. Trước đây đã có một số công trình nghiên cứu thành ngữ biểu thị tâm lí tình cảm từ bình diện ngôn ngữ học tri nhận, song chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm *buồn - vui* trong ca dao của người Việt để góp phần giải mã các tín hiệu ngôn ngữ trong ca dao người Việt. Đó chính là lý do để chúng tôi lựa chọn đề tài: “**Ẩn dụ ý niệm *buồn - vui* trong ca dao của người Việt**” làm đề tài nghiên cứu cho luận văn cao học của mình.